|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỈNH ỦY KON TUM**\*Số 112-BC/TU |  | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***Kon Tum, ngày 11 tháng 8 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**tổng kết thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 24-8-2016 của Tỉnh uỷ**

**về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020**

**-----**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2021 (*Chương trình số 06-CTr/TU ngày 08-12-2020*), Ban Thường vụ Tỉnh uỷ báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 24-8-2016 của Tỉnh ủy “*về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020*” (*Nghị quyết số 06-NQ/TU*), cụ thể như sau:

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**I. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 06-NQ/TU đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân và cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trong đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020[[1]](#footnote-1) và các cơ chế, chính sách về giảm nghèo bền vững[[2]](#footnote-2). Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án[[3]](#footnote-3); phân bổ kế hoạch vốn Trung ương hằng năm để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Các huyện ủy, thành ủy đã xây dựng chương trình, kế hoạch và chỉ đạo ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cụ thể hóa để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương[[4]](#footnote-4). Các đoàn thể chính trị-xã hội đã tích cực tuyên truyền, vận động, xây dựng và triển khai các mô hình làm kinh tế nhằm giúp các đoàn viên, hội viên có hoàn cảnh khó khăn từng bước ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững, nhất là đã triển khai thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua “*Cả nước* *chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” trên địa bàn tỉnh.

Quá trình triển khai thực hiện, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành sơ kết Nghị quyết số 06-NQ/TU[[5]](#footnote-5) và kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai có liên quan đến công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh[[6]](#footnote-6).

**II. Kết quả thực hiện**

**1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện Dự án về truyền thông của Đề án giảm nghèo; trong đó, chú trọng đưa thông tin về vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tuyên truyền, giáo dục ý chí tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo bền vững với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng[[7]](#footnote-7).

Các cấp, các ngành đã tổ chức 123 lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ, năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp với 10.234 lượt người tham gia[[8]](#footnote-8); 04 đoàn đi tham quan, học tập kinh nghiệm; 01 hội thảo cho cộng tác viên làm công tác giảm nghèo cấp xã[[9]](#footnote-9); tổ chức 12 cuộc đối thoại và truyền thông về các chính sách giảm nghèo đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh với 995 người tham gia[[10]](#footnote-10). Việc tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân qua các đợt tiếp xúc cử tri được thực hiện đảm bảo, kịp thời[[11]](#footnote-11).

Qua đó, đã tạo được sự đồng thuận trong xã hội, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của người dân trong việc tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ về giảm nghèo bền vững[[12]](#footnote-12).

**2. Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách về giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo**:Đã triển khai thực hiện có hiệu quả **05** Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020[[13]](#footnote-13) và **06** chính sách hỗ trợ giảm nghèo[[14]](#footnote-14), góp phần tạo điều kiện, cơ hội cho người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, cải thiện, nâng cao chất lượng sống và giảm nghèo bền vững *(Chi tiết tại* [*Phụ lục số 01*](#PL1)*).*

Đã hoàn thành đầu tư cấp điện cho 20 thôn, làng trên địa bàn các huyện: Ia H’Drai, Tu Mơ Rông, Đăk Glei, Đăk Hà, Đăk Tô, Sa Thầy[[15]](#footnote-15); hỗ trợ đào tạo nghề cho 14.469 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo chung đến năm 2020 đạt 52% (*trong đó đào tạo nghề: 36,6%, đạt 87,69% kế hoạch đề ra*[[16]](#footnote-16))*.* Việc phân công đảng viên phụ trách hộ, nhóm hộ được thực hiện có hiệu quả, nhất là hỗ trợ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã đặc biệt khó khăn xây dựng các mô hình kinh tế hiệu quả cao[[17]](#footnote-17); một số cơ quan, đơn vị[[18]](#footnote-18) đã đóng góp nhiều ngày công để tu sửa các công trình đường giao thông nông thôn, đường vào các khu sản xuất, nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới nhà ở cho các hộ nghèo...

**3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo**

***3.1. Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo (tính đến ngày 31-12-2020): (1)*** Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 14.601 hộ, chiếm 10,29% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh. Bình quân tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,84%/năm[[19]](#footnote-19) *(từ 26,11% vào cuối năm 2015 xuống còn 10,29% vào cuối năm 2020)*, đạt 109,7% mục tiêu Nghị quyết đề ra (*trong 05 năm, tổng số hộ thoát nghèo là 26.394 hộ*); ***(2)*** Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số (*DTTS*) toàn tỉnh là 13.688 hộ, chiếm 18,75% so với tổng số hộ DTTS toàn tỉnh. Bình quân tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm 6,67%/năm *(từ 46,57% vào cuối năm 2015 xuống còn 18,75% vào cuối năm 2020)*, đạt 148,22% mục tiêu Nghị quyết đề ra *(trong 05 năm, tổng số hộ thoát nghèo DTTS là 23.856 hộ);* ***(3)***Tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh là 8.372 hộ, chiếm 5,90% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh *(từ 6,64% vào cuối năm 2015 còn 5,90% vào cuối năm 2020, trong 05 năm tổng số hộ thoát cận nghèo là 11.570 hộ*).

***3.2. Kết quả giảm tỷ lệ thiếu hụt các dịch vụ cơ bản (tính đến 31-12-2020):***

***- Tiếp cận dịch vụ y tế***: Giảm **7,48%** *(từ 3.074 hộ (chiếm tỷ lệ 9,66%) còn 318 hộ (chiếm tỷ lệ 2,18%))*;

***-*** ***Bảo hiểm y tế***: Giảm **5,8%** *(từ 3.728 hộ (chiếm tỷ lệ 11,72%) còn 865 hộ (chiếm tỷ lệ 5,92%))*;

***-*** ***Trình độ giáo dục người lớn***: Giảm **14,15%** *(từ 11.105 hộ (chiếm tỷ lệ 34,91%) còn 3.031 hộ (chiếm tỷ lệ 20,76%))*;

***-*** ***Tình trạng đi học của trẻ em***: Giảm **7,92%** *(từ 3.726 hộ (chiếm tỷ lệ 11,71%) còn 553 hộ (chiếm tỷ lệ 3,79%))*;

***-*** ***Chất lượng nhà ở***: Giảm **7,51%** *(từ 12.490 hộ (chiếm tỷ lệ 39,27%) còn 4.637 hộ (chiếm tỷ lệ 31,76%))*;

***-*** ***Diện tích nhà ở***: Giảm **6,76%** *(từ 14.496 hộ (chiếm tỷ lệ 45,57%) còn 5.666 hộ (chiếm tỷ lệ 38,81%))*;

***-*** ***Nguồn nước sinh hoạt***: Giảm **9,75%** *(từ 8.441 hộ (chiếm tỷ lệ 26,54%) còn 2.452 hộ (chiếm tỷ lệ 16,79%))*;

***-*** ***Hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh***: Giảm **55,18%** *(từ 22.893 hộ (chiếm tỷ lệ 71,97%) còn 9.974 hộ (chiếm tỷ lệ 16,79%))*;

***-*** ***Sử dụng dịch vụ viễn thông***: Giảm **5,55%** *(từ 13.238 hộ (chiếm tỷ lệ 41,62%) còn 5.267 hộ (chiếm tỷ lệ 36,07%))*;

***-*** ***Tài sản tiếp cận thông tin***: Giảm **7,05%** *(từ 11.063 hộ (chiếm tỷ lệ 34,78%) còn 4.049 hộ (chiếm tỷ lệ 27,73%))*.

***3.3. Các chỉ tiêu khác***

- Có **100%** hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin tình hình phát triển kinh tế - xã hội, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và kinh nghiệm sản xuất thông qua báo chí, các xuất bản phẩm và phương tiện truyền thông khác.

- Thu nhập bình quân của hộ nghèo là **644.000** đồng/người/tháng, đạt **122%** so với mục tiêu tăng thu nhập bình quân hàng năm của hộ nghèo theo Nghị quyết đề ra.

- Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh đạt nhiều kết quả tích cực:

+ Có **93%** xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã; **100%** xã có trạm y tế, có đội ngũ y bác sĩ, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân; **100%** hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt **90,60%**.

+ Có **100%** các huyện, thành phố có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân. Có **178** trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

+ Có **89%** dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm trên địa bàn.

+ Có **100%** đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến trung tâm huyện được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; **65%** đường thôn xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải.

- Toàn tỉnh có **28** xã được công nhận xã nông thôn mới[[20]](#footnote-20) *(đến 30-6-2021 có thêm xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum đạt 19/19 tiêu chí)*, tăng 20 xã so với năm 2015; 02 xã đạt từ 8 đến 9 tiêu chí, 04 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, 50 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí *(giảm 41 xã so với năm 2016)*; số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn/xã là 14,15 tiêu chí, tăng 5,15 tiêu chí so với năm 2015.

\* Giai đoạn 2016-2020 toàn tỉnh đã thực hiện ***đạt toàn bộ các chỉ tiêu giảm nghèo đã đề ra được xác định tại Nghị quyết 06-NQ/TU, trong đó một số chỉ tiêu vượt kế hoạch***[[21]](#footnote-21) *(Chi tiết tại Phụ lục số 02).*

**4. Kết quả huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế-xã hội gắn với giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo**

Tổng kinh phí thực hiện Đề án giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 là **8.629.620** triệu đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững khoảng **1.464.762** triệu đồng[[22]](#footnote-22); các chính sách, dự án, chương trình hỗ trợ giảm nghèo khoảng **7.161.796** triệu đồng; hỗ trợ mạng lưới cộng tác viên giai đoạn 2017-2020[[23]](#footnote-23) là **3.062** triệu đồng. Việc huy động các nguồn xã hội hóa cho công tác giảm nghèo được triển khai tích cực; đã huy động được **158.231** triệu đồng từ các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và người dân hỗ trợ thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các huyện nghèo, xã nghèo... Nguồn lực huy động đã được phân bổ ưu tiên cho phát triển kinh tế-xã hội ở các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn; đồng thời, đã lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ đầu tư hộ nghèo từ chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh *(Chi tiết tại Phụ lục số 03).*

**5. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội đối với công tác giảm nghèo**

Đã chỉ đạo phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo để các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo quy định[[24]](#footnote-24); đồng thời chỉ đạo phân cấp, trao quyền cho các địa phương để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý và sử dụng nguồn lực. Đã phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội đối với công tác giảm nghèo. Đội ngũ cộng tác viên với nòng cốt là cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số có trình độ, năng lực đã tích cực tham gia hỗ trợ giảm nghèo bền vững cho người dân[[25]](#footnote-25).

Công tác bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm được thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch và có sự tham gia giám sát của Nhân dân. Mô hình phát triển sản xuất được lựa chọn trên cơ sở bàn bạc, thống nhất giữa hệ thống chính trị địa phương với người dân, cộng đồng dân cư trên địa bàn. Một số địa phương đã phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thường xuyên theo dõi, định hướng, giúp đỡ các thành viên là hộ nghèo biết sử dụng nguồn vốn, tư liệu sản xuất để sản xuất hiệu quả.

**6. Công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác giảm nghèo; công tác xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả**

- ***Về công tác kiểm tra, giám sát***:Đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành cấp tỉnh và tổ chức 04 đợt kiểm tra về thực hiện Đề án giảm nghèo tại 28 xã thuộc các huyện: Sa Thầy, Kon Plông, Kon Rẫy, Đăk Tô, Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Kon Plông, Ia H’Drai và thành phố Kon Tum. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các đoàn công tác kiểm tra, phúc tra công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện, thành phố.

- ***Về công tác xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả***: Đã triển khai 12 dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn 12 xã thuộc 07 huyện, thành phố[[26]](#footnote-26); trong đó, đã tập trung hỗ trợ cây công nghiệp, gia súc, vật tư, hỗ trợ máy, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân. Nhìn chung, các hộ nghèo tham gia dự án đã cam kết sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước đúng mục đích, bảo toàn được nguồn vốn.

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 30-6-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh”,* các cấp, các ngành, địa phương đã có một số chính sách thu hút, vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai các dự án du lịch, trồng rừng, trồng cây công nghiệp, sâm Ngọc Linh, các cây dược liệu quý, nhất là trồng dược liệu dưới tánrừng (*như Hồng Đảng sâm, Đương quy...*) và trồng rau, hoa, quả xứ lạnh... góp phần giải quyết việc làm ổn định cho người lao động.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

Các cấp, các ngành đã tổ chức quán triệt và tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Công tác tuyên truyền về giảm nghèo bền vững được quan tâm, đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân khu vực nông thôn được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống. Kinh tế, xã hội ở vùng sâu, vùng xa đã có bước phát triển; cơ sở hạ tầng các huyện, xã nghèo, khó khăn được cải thiện, các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, trường lớp học đã phát huy tốt hiệu quả đầu tư. Tỷ lệ hộ nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm và các tệ nạn xã hội giảm dần; trình độ dân trí, chất lượng nguồn lao động được nâng lên...

**2. Hạn chế, yếu kém**

- Tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư trong giai đoạn đầu thực hiện Nghị quyết *(2016-2017)* còn chậm.

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tuy giảm qua các năm và đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra nhưng chưa thật sự bền vững; vẫn còn phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo mới và hộ tái nghèo.

- Việc thực hiện chính sách di dân và giải quyết đất ở, đất sản xuất cho người dân còn gặp khó khăn; quỹ đất của các địa phương rất hạn chế, mức đầu tư của các chính sách còn thấp, không đủ để giải quyết nhu cầu đất ở, đất sản xuất của các hộ DTTS nghèo.

-Một số hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được xóa bỏ triệt để.

**3. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém**

***3.1. Nguyên nhân khách quan***

*-* Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

- Nguồn kinh phí được Trung ương phân bổ cho địa phương chậm[[27]](#footnote-27), thiếu hướng dẫn cụ thể nên gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Việc huy động các nguồn lực khác còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhiều điểm mới[[28]](#footnote-28) nên một số địa phương còn lúng túng.

***3.2. Nguyên nhân chủ quan***

- Một số đơn vị chức năng chưa quan tâm đúng mức trong việc giúp đỡ, hướng dẫn sản xuất, kinh doanh nên một bộ phận hộ nghèo người dân tộc thiểu số, nhất là tại vùng sâu, vùng xa chưa mạnh dạn vay vốn để sản xuất, kinh doanh.

- Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên; một bộ phận người nghèo còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước; sử dụng vốn kém hiệu quả, chưa phát huy tính chủ động để vươn lên thoát nghèo.

- Một số địa phương chưa linh hoạt trong thực hiện các chính sách giảm nghèo, hiệu quả lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng một địa bàn chưa cao.

**B. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

- Nâng cao hiệu quả giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới. Bảo đảm an sinh xã hội và các điều kiện hỗ trợ nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

- Giảm nghèo gắn với phát triển kinh tế-xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ tài nguyên môi trường. Cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, khu vực nông thôn, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản *(về y tế, giáo dục, an ninh lương thực, nhà ở an toàn, nước sạch sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận nguồn thông tin có chất lượng, việc làm, bảo hiểm xã hội…*) và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Tăng cường đầu tư hạ tầng; đẩy mạnh sự kết nối trong công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 3-4%/năm *(riêng các huyện nghèo giảm từ 6- 8%/năm)*[[29]](#footnote-29).

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lao động nghèo, tạo việc làm gắn với thu nhập, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo.

**II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1.** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự đồng thuận của người dân; khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo bền vững.

**2**. Cụ thể hóa Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23-6-2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030*" với các giải pháp, lộ trình phù hợp; trong đó, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 giảm bình quân 3-4%/năm; phấn đấu đến năm 2030 cơ bản không còn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

**3.** Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 22-02-2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “*về thực hiện Kết luận số 92-KL/TW, ngày 05-11-2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*”. Trong đó, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng chính sách xã hội và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay để đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tập thể; đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng và xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách xã hội.

**4.** Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số cao; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo, không để chồng chéo, trùng lắp nhiệm vụ với đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã.

**5.** Tích cực, chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực Nhà nước, xã hội và Nhân dân để đầu tư thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững phù hợp với các đặc điểm của từng địa phương. Trong đó, chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng và các công trình xây dựng cơ bản phục vụ nhu cầu thiếu yếu cho người dân; hỗ trợ triển khai các mô hình sản xuất hiệu quả, gắn với Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở liên kết theo chuỗi giá trị với cơ sở chế biến để đảm bảo ổn định nguồn tiêu thụ hàng hóa nông sản.

**6.**Phát huy vai trò Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, có ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo bền vững. Trong đó, tiếp tục thực hiện tốt công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phong trào “Dân vận khéo”, gắn với việc triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động *“ Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”*,Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", Phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau*”... Đồng thời, tổ chức thực hiện việc giám sát, phản biện trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi nhận:- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên, - Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,  đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ, - Các huyện uỷ, thành uỷ, - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, - Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ. |  | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**PHÓ BÍ THƯ**Nguyễn Văn Hòa** |

1. Nghị quyết số 87/2016/NQ-HĐND, ngày 09-12-2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. Chính sách cho các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2020; Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Quy định một số nội dung và định mức chi thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; Chính sách phát triển cà phê chè tại các huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Kon Plông. [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 16-01-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. Chương trình số 38-CTr/HU, ngày 10-02-2017 của Huyện ủy Đăk Glei; Chương trình số 23-CTr/HU, ngày 25-10-2016 của Huyện ủy Ia H'Drai; Chương trình số 24-CTr/HU, ngày 14-11-2016 của Huyện ủy Sa Thầy; Chương trình số 32-CTr/HU, ngày 18-10-2016 của Huyện ủy Đăk Hà; Chương trình số 32-CTr/TU, ngày 04-11-2016 của Thành ủy Kon Tum; Chương trình số 35-CTr/HU, ngày 18-4-2017 của Huyện ủy Đăk Tô; Chương trình số 35-CTr/HU, ngày 13-10-2016 của Huyện ủy Kon Rẫy; Chương trình số 36-CTr/HU, ngày 10-10-2016 của Huyện ủy Kon Plông; Chương trình số 63-CTr/HU, ngày 10-11-2016 của Huyện ủy Ngọc Hồi. [↑](#footnote-ref-4)
5. Kết luận số 956-KL/TU, ngày 07-11-2018 của Tỉnh ủy khóa XV “*về sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 24-8-2016 của Tỉnh ủy về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020*”. [↑](#footnote-ref-5)
6. Kế hoạch số 75-KH/TU, ngày 19-11-2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận giai đoạn 2018-2020*”; trong đó, có nội dung tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chủ trương giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020; Công văn số 5886/CV-VPTU ngày 03-7-2020 của Văn phòng Tỉnh ủy "*về việc phân bổ kinh phí xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình người có công từ nguồn Thành uỷ Hà Nội*"; Văn bản số 445-CV/TU ngày 30-12-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về việc rà soát hộ nghèo, hộ gia đình chính sách để thăm, chúc Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021*”... [↑](#footnote-ref-6)
7. Kết quả: Có 21 phóng sự tuyên truyền về công tác giảm nghèo được phát sóng trên Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh; xây dựng 37 cụm pa nô, 118 băng rôn, 1.385 tờ áp phích; 01 cụm thông tin cơ sở; 22 bộ phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện, xã; 19.900 tờ gấp, 4.303 tờ rơi; 02 video và 2.810 cuốn sổ tay giảm nghèo... [↑](#footnote-ref-7)
8. Trong đó: Sở Lao động-Thương binh và xã hội, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức 24 lớp tập huấn, 01 hội thảo có 1.573 lượt người tham gia; Ban Dân tộc tỉnh tổ chức 17 lớp tập huấn và 04 đợt tham quan học tập kinh nghiệm, có 6.554 lượt người tham gia; huyện Đăk Glei tổ chức 07 lớp tập huấn, có 525 lượt người tham gia; huyện Kon Rẫy tổ chức 04 lớp tập huấn, có 310 lượt người tham gia; huyện Đăk Hà tổ chức 06 lớp tập huấn, có 972 lượt người tham gia; huyện Ia H’Drai tổ chức 03 lớp tập huấn, có 300 lượt người tham gia. [↑](#footnote-ref-8)
9. Giai đoạn 2017-2020, toàn tỉnh có 102/102 xã, phường, thị trấn có đội ngũ Cộng tác viên làm công tác giảm nghèo, có sự tham gia của tất cả các tổ chức hội đoàn thể trong hệ thống chính trị tại cơ sở. Đội ngũ cộng tác viên có sự tham gia của cán bộ nữ, cán bộ thuộc dân tộc thiểu số và đã qua đào tạo chuyên môn như: Có 57 cộng tác viên là nữ, chiếm 55,9%; 54 cộng tác viên thuộc DTTS, chiếm 52,9%; có 57% cộng tác viên có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên *(gồm: 35% cộng tác viên có trình độ đại học, cao đẳng, 22% cộng tác viên có trình độ trung cấp)*. Hằng năm, đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo đã tham gia các cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo tổ chức tại địa bàn và các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác giảm nghèo do các cấp tổ chức. [↑](#footnote-ref-9)
10. Tại địa bàn 12 xã thuộc 06 huyện, thành phố; có 14 gương điển hình thoát nghèo và 03 mô hình giảm nghèo điển hình được biên tập thành cuốn tài liệu về những gương điển hình và mô hình giảm nghèo tiêu biểu giai đoạn 2016-2020. [↑](#footnote-ref-10)
11. Có 04 lượt trả lời kiến nghị cử tri về các nội dung: Năm 2016: Đề nghị xem xét tạo điều kiện, duy trì cho thôn Đăk Rơ Đe, xã Ngọc Bay vẫn là thôn đặc biệt khó khăn để người dân được hỗ trợ một số chính sách theo Chương trình 135; đề nghị HĐND tỉnh quan tâm đến việc giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo vì tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của tỉnh còn cao; cần có giải pháp căn cơ để giúp cho nhân dân chuyển đối cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo trước tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp... [↑](#footnote-ref-11)
12. Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen đối với 02 hộ nghèo tiêu biểu vươn lên thoát nghèo và 02 cá nhân thuộc hộ nghèo là gương sáng thầm lặng vì cộng đồng trong lĩnh vực giảm nghèo của tỉnh Kon Tum. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen 03 cá nhân điển hình tiên tiến thực hiện phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau*”; 37 tập thể, 48 cá nhân tiêu biểu trong việc triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo và Phong trào thi đua; 03 tập thể và 02 cá nhân có thành tích trong đóng góp, ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”. [↑](#footnote-ref-12)
13. Cụ thể: Dự án 1 - Chương trình thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27-12-2008 của Chính phủ; Dự án 2 - Chương trình 135; Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; Dự án 4 - Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Dự án 5- Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá. [↑](#footnote-ref-13)
14. Cụ thể: Chính sách vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất; chính sách hỗ trợ về giáo dục; chính sách hỗ trợ về y tế; chính sách hỗ trợ về nhà ở; chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt hợp vệ sinh và môi trường... [↑](#footnote-ref-14)
15. Khối lượng hoàn thành: Đường dây trung thế 53,023 km; đường dây hạ thế 30,465 km, trạm biến áp 22 trạm và 1.666 công tơ điện. Các hạng mục công trình sau khi hoàn thành được bàn giao ngay cho Công ty Điện lực Kon Tum tiếp nhận quản lý, vận hành để bán lẻ điện đến hộ dân, góp phần trong việc giảm nghèo của tỉnh và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế xã hội của địa phương... [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo Quyết định số 209/QĐ-UBND, ngày 10-3-2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh “*về phê duyệt Đề án trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”; Quyết định số 1258/QĐ-UBND, ngày 24-10-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh “*về sửa đổi bổ sung Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Kon Tum kèm theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 10-3-2011”*. [↑](#footnote-ref-16)
17. Như: Thâm canh một số loại cây dưới tán rừng, xen canh với cây cà phê, nuôi gà lai... [↑](#footnote-ref-17)
18. Như: Bộ chỉ huy Biên phòng, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh. [↑](#footnote-ref-18)
19. Năm 2016 giảm 3,08%; năm 2027 giảm 4,05%; năm 2018 giảm 4,08%; năm 2019 giảm 4,01%; năm 2020 giảm 3,97%. [↑](#footnote-ref-19)
20. Danh sách 28 xã đã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí: Xã Đoàn Kết, xã Hòa Bình, xã Ia Chim, xã Đăk Năng, xã Vinh Quang, xã Đăk Cấm - thành phố Kon Tum; xã Hà Mòn, Đăk Mar, xã Đăk La, xã Đắk Ngọc - huyện Đăk Hà; xã Diên Bình, xã Tân Cảnh, xã Kon Đào - huyện Đăk Tô; xã Sa Sơn, xã Sa Nhơn, xã Xa Nghĩa - huyện Sa Thầy; xã Đăk Nông, xã Đăk Kan, xã Đắk Dục, xã Bờ Y, xã Đắk Xú - huyện Ngọc Hồi; xã Đăk Ruồng, xã Tân Lập, xã Đắk Tờ Lung - huyện Kon Rẫy; xã Đăk Pét, xã Đăk Môn - huyện Đăk Glei; xã Pờ Ê, xã Măng Cành - huyện Kon Plông. [↑](#footnote-ref-20)
21. Cụ thể: ***(1)*** Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân 3,84%/năm, đạt 109,7%; ***(2)*** Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo là 644 nghìn đồng/người/tháng đạt 122%; ***(3)*** Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo được đảm bảo; cơ bản đáp ứng khả năng tiếp cận của hộ nghèo với các dịch vụ cơ bản; ***(4)*** Kết quả đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn huyện, xã, thôn đạt, trong đó có 02 chỉ tiêu vượt (*số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 111%; các hộ dân thuộc địa bàn xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luận của Đảng, nhà nước đạt 111%*). [↑](#footnote-ref-21)
22. Nguồn ngân sách Trung ương là 1.339.883 triệu đồng *(bao gồm: Vốn đầu tư phát triển là 1.031.667 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 308.216 triệu đồng)*. Nguồn ngân sách địa phương 73.785 triệu đồng. Huy động xã hội hóa: 51.094 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-22)
23. Năm 2017 đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo cấp xã mới bắt đầu triển khai thực hiện. [↑](#footnote-ref-23)
24. Tại Quyết định số 827/QĐ-UBND, ngày 29-7-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh “*về việc phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2016*”; Quyết định số 1129/QĐ-UBND, ngày 30-10-2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kon Tum “*về điều chỉnh Quyết định số 586/QĐ-UBND, ngày 26-6-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017*”; Quyết định số 1326/QĐ-UBND, ngày 08-12-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh “*về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2018 tỉnh Kon Tum*”; Quyết định số 1374/QĐ-UBND, ngày 10-12-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh “*về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 tỉnh Kon Tum*”; Quyết định số 1386/QĐ-UBND, ngày 10-12-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh “*về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Kon Tum*”. [↑](#footnote-ref-24)
25. Có 57 cộng tác viên là nữ, chiếm 55,9%; 54 cộng tác viên thuộc dân tộc thiểu số, chiếm 52,9%; có 57% cộng tác viên có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên *(35% cộng tác viên có trình độ đại học, cao đẳng, 22% cộng tác viên có trình độ trung cấp).* [↑](#footnote-ref-25)
26. Cụ thể: ***(1)*** Dự án hỗ trợ chăm sóc cây cà phê, chăm sóc cây cao su, chăn nuôi heo tại xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà có 25 hộ tham gia, với tổng kinh phí 250 triệu đồng; ***(2)*** Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản tại xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi có 30 hộ tham gia với tổng kinh phí là 250 triệu đồng;***(3)*** Dự án hỗ trợ hộ nghèo nuôi heo tại xã Ia Tơi, huyện Ia H’Drai có 25 hộ nghèo tham gia, với tổng kinh phí 250 triệu đồng; ***(4)*** Dự án chăn nuôi bò sinh sản tại thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy có 25 hộ nghèo tham gia, với tổng kinh phí 250 triệu đồng; ***(5)*** Dự án hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo chăm sóc cà phê bằng chế phẩm phân bón sinh học tại xã Kon Đào, huyện Đăk Tô có 22 hộ tham gia, với tổng kinh phí 340 triệu đồng; ***(6)*** Dự án hỗ trợ chăn nuôi dê sinh sản tại xã Kroong, thành phố Kon Tum có 15 hộ tham gia, với tổng kinh phí 306 triệu đồng; ***(7)*** Dự án hỗ trợ chăn nuôi lợn, gà thả vườn tại xã Ia Tơi, huyện Ia H’Drai có 25 hộ tham gia, với tổng kinh phí 356 triệu đồng; ***(8)*** Dự án hỗ trợ chăn nuôi lợn, gà thả vườn tại xã Ia Dom, huyện Ia H’Drai có 25 hộ tham gia, với tổng kinh phí 356 triệu đồng; ***(9)*** năm 2019 và 2020 triển khai dự án tại 04 xã thuộc 02 huyện Đăk Hà và Đăk Glei với tổng kinh phí 740 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-26)
27. Nguồn vốn để triển khai thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg, ngày 31-10-2016 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 tại Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29-11-2019; nhưng đến ngày 29-07-2020 mới giao kế hoạch đầu tư công trung hạn (*Quyết định số 1145/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*). [↑](#footnote-ref-27)
28. Dựa trên việc đánh giá tài sản để ước lượng thu nhập của hộ gia đình và thu thập các thông tin, thực trạng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của các hộ gia đình như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch-vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin. [↑](#footnote-ref-28)
29. Năm 2021 áp dụng theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. [↑](#footnote-ref-29)